

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/DS-ST

Ngày: 22-07-2024

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hoa

Bà Trần Thị Hạnh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 07 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2023/TLST-DS ngày 14/11/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 05 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 06 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P1 (H1)

Địa chỉ: B Bis N, phường B, Quận A, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T, Chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Gia H, Chức vụ: giám đốc Chi nhánh V, Ngân hàng TMCP P1 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Phương B, Chức vụ: giám đốc Phòng G kiêm Phó giám đốc Chi nhánh V, Ngân hàng TMCP P1 (có mặt).

Địa chỉ: C H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 đã cho bà Nguyễn Thị E vay tiền theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0806/19PGDCĐ/HĐTD ngày 16/12/2019, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0806/19PGDCĐ/HĐTD/PL01 ngày 24/8/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0806/19PGCĐ/HĐTD/KUNN06 ngày 17/8/2022; đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm- Dịch vụ ngày 15/6/2022 như sau:

* Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0806/19PGDCĐ/HĐTD ngày 16/12/2019, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0806/19PGDCĐ/HĐTD/PL01 ngày 24/8/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0806/19PGCĐ/HĐTD/KUNN06 ngày 17/8/2022, cụ thể: Số tiền vay: 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), Số tiền giải ngân: 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), Ngày giải ngân: 17/8/2022, Ngày đến hạn: 17/8/2023, Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11%/năm, Mục đích cho vay: Bổ sung vốn chăn nuôi.

* Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm- Dịch vụ ngày 15/6/2022, cụ thể: Loại thẻ: Mastercard gold vay có tài sản bảo đảm, Số tiền hạn mức thẻ: 10.000.000 đồng, Ngày phát hành: 15/6/2022, Ngày hết hạn: 31/5/2025, Lãi suất cho vay: Thay đổi theo từng thời kỳ, Mục đích cho vay: Tiêu dùng, Số tiền bà E rút tiền mặt sử dụng: 9.500.000 đồng, Ngày rút tiền mặt sử dụng: 4/7/2023.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số O 899211, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: 0211 QSDĐ/648-KL do UBND huyện C cấp ngày 25/9/1999, cập nhật thay đổi ngày 24/01/2006 và ngày 02/11/2018. Theo hợp đồng thế chấp QSD đất số 0806/19PGDCĐ/HĐBĐ ngày 16/12/2019 và Phụ lục số 0806/19PGDCĐ/HĐBĐ/PL01 ngày 24/08/2020, công chứng tại Phòng công chứng Lê Minh Đ tỉnh B

Đến ngày 17/8/2023, bà Nguyễn Thị E đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán dẫn đến vi phạm các thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký với H1.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị E phải thanh toán ngay toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0806/19PGDCĐ/HĐTD ngày 16/12/2019, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0806/19PGDCĐ/HĐTD/PL01 ngày 24/8/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0806/19PGCĐ/HĐTD/KUNN06 ngày 17/8/2022; đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử

dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm- Dịch vụ ngày 15/6/2022, Tạm tính đến ngày 22/07/2024, tổng số tiền bà E còn nợ H1 là: 492.741.084đ (bốn trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi một ngàn không trăm tám mươi bốn đồng). Trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0806/19PGDCĐ/HĐTD ngày 16/12/2019, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0806/19PGDCĐ/HĐTD/PL01 ngày 24/8/2020, giấy đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 0806/19PGCĐ/HĐTD/KUNN06 ngày 17/8/2022, cụ thể: Nợ gốc: 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), Nợ lãi trong hạn: 8.922.740 đồng, Lãi quá hạn: 76.010.959 đồng, lãi chậm trả lãi: 1.012.238 đồng, Đã thanh toán: 179.890 đồng. Tổng cộng: 485.766.047 đồng.

+ Đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm- Dịch vụ ngày 15/6/2022, cụ thể: Loại thẻ: Mastercard gold vay có tài sản bảo đảm, trong đó: Nợ Gốc: 3.850.000 đồng, Lãi thẻ tín dụng: 1.930.037 đồng, Phí thẻ tín dụng: 1.195.000 đồng. Tổng cộng: 6.975.037 đồng.

- Buộc bà E phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng TMCP P1 kể từ ngày 23/07/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên cho H1.

- Trường hợp bà E không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng H1, đề nghị Tòa án tuyên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp tại Ngân hàng H1 là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số O 899211, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: 0211 QSDĐ/648-KL do UBND huyện C cấp ngày 25/9/1999, cập nhật thay đổi ngày 24/01/2006 và ngày 02/11/2018. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0806/19PGDCĐ/HĐBĐ ngày 16/12/2019 và Phụ lục số 0806/19PGDCĐ/HĐBĐ/PL01 ngày 24/08/2020, công chứng tại Phòng công chứng Lê Minh Đ tỉnh B.

- Trường hợp số tiền phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì bà Nguyễn Thị E phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến khi hết khoản nợ cho Ngân hàng H1.

2. *Đối với bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như xét xử tại Tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị E vắng mặt, không lên Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập chứng cứ đầy đủ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị E phải trả cho Ngân hàng số tiền (tạm tính đến hết ngày 22/7/2024 tổng cộng là 492.741.084đ (bốn trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi một ngàn không trăm tám mươi bốn đồng), bao gồm:

* Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0806/19PGDCĐ/HĐTD ngày 16/12/2019, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0806/19PGDCĐ/HĐTD/PL01 ngày 24/8/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0806/19PGCĐ/HĐTD/KUNN06 ngày 17/8/2022, trong đó: Nợ gốc: 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), Nợ lãi trong hạn: 8.922.740 đồng, Lãi quá hạn: 76.010.959 đồng, Lãi chậm trả lãi: 1.012.238 đồng, Đã thanh toán: 179.890 đồng. Tổng cộng: 485.766.047 đồng.

* Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm- Dịch vụ ngày 15/6/2022: Loại thẻ: Mastergold vay có tài sản bảo đảm. Nợ Gốc: 3.850.000 đồng, Loại thẻ tín dụng: 1.930.037 đồng, Phí thẻ tín dụng: 1.195.000 đồng. Tổng cộng: 6.975.037 đồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị E phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP P1 (H1) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị E phải trả số tiền vay chưa thanh toán theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0806/19PGDCĐ/HĐTD ngày 16/12/2019, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0806/19PGDCĐ/HĐTD/PL01 ngày 24/8/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0806/19PGCĐ/HĐTD/KUNN06 ngày 17/8/2022 và Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm- Dịch vụ ngày 15/6/2022 đã ký giữa hai bên nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng”; Nơi cư trú của bà Nguyễn Thị E là Thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị E đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0806/19PGDCĐ/HĐTD ngày 16/12/2019, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0806/19PGDCĐ/HĐTD/PL01 ngày

24/8/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0806/19PGCĐ/HĐTD/KUNN06 ngày 17/8/2022:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển P1 đã cho bà Nguyễn Thị E vay tiền theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0806/19PGDCĐ/HĐTD ngày 16/12/2019, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0806/19PGDCĐ/HĐTD/PL01 ngày 24/8/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0806/19PGCĐ/HĐTD/KUNN06 ngày 17/8/2022. Các bên đã ký xác lập tại trang cuối của Hợp đồng tín dụng cũng như Phụ lục Hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ trên.

Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự trong các Hợp đồng tín dụng là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên thỏa thuận này có giá trị pháp lý.

[2.2] Kể từ ngày 17/8/2022 là ngày Ngân hàng giải ngân số tiền gốc là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị E vay là bà E đã phát sinh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Theo hợp đồng tín dụng, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0806/19PGDCĐ/HĐTD/PL01 ngày 24/8/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0806/19PGCĐ/HĐTD/KUNN06 ngày 17/8/2022 thì thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 18/8/2022 đến ngày 17/8/2023. Nội dung thỏa thuận: Bên được cấp tín dụng phải trả nợ (gốc, lãi và phạt) cho Ngân hàng theo từng kỳ trong thời hạn. Khi đến hạn trả nợ gốc theo các kỳ hạn hoặc kết thúc thời hạn vay, kể cả thời gian được H1 gia hạn (nếu có) hoặc khi H1 chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận mà Bên được cấp tín dụng không trả hết số nợ gốc, thì toàn bộ số dư nợ gốc không được trả đúng hạn theo thỏa thuận sẽ được chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn. Căn cứ Điều 1, 5, 6, 7, 9 Hợp đồng tín dụng 0806/19PGDCĐ/HĐTD/PL01 ngày 24/8/2020; giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0806/19PGCĐ/HĐTD/KUNN06 ngày 17/8/2022; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì bà E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ nội dung thỏa thuận giữa hai bên khi xác lập hợp đồng thì Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và bắt đầu tính lãi suất quá hạn từ ngày 17/8/2023 là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng.

[2.3] Các khoản tiền lãi đã được Ngân hàng tính đúng theo thỏa thuận cam kết của hai bên tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0806/19PGDCĐ/HĐTD ngày 16/12/2019, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0806/19PGDCĐ/HĐTD/PL01 ngày 24/8/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0806/19PGCĐ/HĐTD/KUNN06 ngày 17/8/2022..

[3] Đối với đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm- Dịch vụ ngày 15/6/2022: thì thẻ tín dụng được cấp cho bà E là thẻ MasterCard Credit Gold- vay có tài sản bảo đảm- HD02.

[3.1] Xét Hợp đồng thẻ tín dụng: Hai bên đã ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm- Dịch vụ ngày 15/6/2022

Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự trong giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản/sản phẩm – Dịch vụ ngày 15/6/2022 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên thỏa thuận này có giá trị pháp lý.

[3.2] Tại mục V của giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm- dịch vụ, hai bên có thỏa thuận: *“Bằng việc ký tên vào Đề nghị kiêm Hợp đồng, mở sử dụng Tài khoản thanh toán/sản phẩm- Dịch vụ này, Tôi/chúng tôi đã đọc, hiểu, cam kết tuân thủ những quy định của pháp luật, đồng ý sử dụng và chấp nhận ràng buộc và tuân thủ các Điều khoản và điều kiện liên quan đến việc sử dụng Tài khoản thanh toán Sản phẩm/dịch vụ hoặc các văn bản khác có giá trị tương đương, Biểu phí dịch vụ của H1 được công bố tại các Điểm giao dịch của H1 và trang thông tin điện tử của H1 (Website: H1.com.vn), cam kết chịu trách nhiệm đối với các phát sinh liên quan đến việc sử dụng Tài khoản thanh toán- Sản phẩm/dịch vụ mà tôi/chúng tôi được H1 phát hành/cấp. H1 có quyền sửa đổi, bổ sung các Điều khoản và Điều kiện này mà không cần sự chấp thuận của khách hàng. H1 sẽ thông báo về các thay đổi nêu trên tại các Điểm giao dịch của H1 và trang thông tin điện tử của H1 hoặc theo hình thức liên lạc đã được đăng ký tại H1. Nêu tiếp tục sử dụng Tài khoản thanh toán- sản phẩm/dịch vụ sau khi H1 sửa đổi các Điều khoản và Điều kiện đó nghĩa là tôi đã chấp nhận hoàn toàn các sửa đổi đó. Trường hợp không đồng ý với các thay đổi này, tôi sẽ liên hệ với H1 để thực hiện việc hủy sử dụng tài khoản thanh toán-sản phẩm/dịch vụ”*.

Bằng việc ký vào giấy đề nghị này, bà E đồng ý việc Ngân hàng H1 chủ động xem xét cấp hạn mức và phát hành thẻ tín dụng với hạn mức, thời hạn, lãi suất,... theo quy định của Ngân hàng H1. Khi kích hoạt thành công thẻ tín dụng thì bà E đồng ý với việc sử dụng thẻ tín dụng và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định tại giấy đề nghị này, các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và các văn bản có giá trị tương đương.”

Tại Quyết định số 939/2023/QĐ-TGD ngày 12/04/2023 của Ngân hàng TMCP P1 theo đó lãi suất thẻ là 30% được áp dụng khi bà E rút tiền mặt sử dụng- ngày 04/7/2023. Và tại Quyết định số 402/2023/QĐ-TGD ngày 01/3/2023 về việc ban hành biểu phí dịch vụ thẻ cho khách hàng các nhân. Việc Ngân hàng quy định về hạn mức cấp tín dụng, lãi suất, phí, bà E cũng đồng ý và ký vào giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm- dịch vụ ngày 15/6/2022 là phù hợp với quy định của Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng, Điều 91 Luật

tổ chức tín dụng và Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Như vậy, tạm tính đến ngày 22/7/2024 thì nợ gốc của thẻ bà E còn nợ là: 3.850.000đ (ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng), lãi suất quá hạn của thẻ tín dụng là: 1.930.037đ (một triệu chín trăm ba mươi ngàn không trăm ba mươi bảy đồng), phí thẻ tín dụng: 1.195.000đ (một triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng). Tổng dư nợ của Thẻ tín dụng tính đến ngày 22/7/2024 là 6.975.037đ (sáu triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn không trăm ba mươi bảy đồng). Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà E thanh toán là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng:

[4.1] Để bảo đảm cho khoản vay với Ngân hàng, bà E đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0806/19PGDCĐ/HĐBĐ ngày 16/12/2019, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0806/19PGDCĐ/HĐBĐ ký ngày 16/12/2019 ngày 24/8/2020, Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đề ngày 16/112009.

Xét thấy: Việc thế chấp tài sản do các đương sự tự định đoạt và đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Việc thế chấp này là phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319, 323 Bộ luật dân sự, Điều 8 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0806/19PGDCĐ/HĐBĐ ngày 16/12/2019, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0806/19PGDCĐ/HĐBĐ ký ngày 16/12/2019 ngày 24/8/2020 ký giữa Ngân hàng và bà E cũng thỏa thuận trong trường hợp bà E không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp.

[4.2] Do vậy, bà E vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì để thu hồi nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số O 899211, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận:0211 QSĐĐ/648-KL do UBND huyện C cấp ngày 25/9/1999, cập nhật thay đổi ngày 24/01/2006 và ngày 02/11/2018. Theo hợp đồng thế chấp QSD đất số 0806/19PGDCĐ/HĐBĐ ngày 16/12/2019 và Phụ lục số 0806/19PGDCĐ/HĐBĐ/PL01 ngày 24/08/2020, công chứng tại Phòng công chứng Lê Minh Đ tỉnh B.

- Trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì bà Nguyễn Thị E phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến khi hết nợ cho

Ngân hàng H1.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị E phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng được Tòa án chấp nhận là 23.709.643đ (hai mươi ba triệu bảy trăm lẻ chín ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng).

Ngân hàng TMCP P1 (H1) không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP P1 đã nộp là 10.578.000đ (mười triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001599 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317, 318, 321, 322, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P1 (H1) đối với bị đơn bà Nguyễn Thị E về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Bà Nguyễn Thị E phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP P1 (H1) tổng số tiền tính đến ngày 22/7/2024 là 492.741.084đ (bốn trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi một ngàn không trăm tám mươi bốn đồng), bao gồm:

* Tổng cộng dư nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0806/19PGDCĐ/HĐTD ngày 16/12/2019, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0806/19PGDCĐ/HĐTD/PL01 ngày 24/8/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0806/19PGCĐ/HĐTD/KUNN06 ngày 17/8/2022 là 485.766.047 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 400.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 8.922.740 đồng, Lãi quá hạn: 76.010.959 đồng, Lãi chậm trả lãi: 1.012.238 đồng, Đã thanh toán: 179.890 đồng.

* Tổng cộng dư nợ theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm- Dịch vụ ngày 15/6/2022- Loại thẻ: Mastercard gold vay có tài sản bảo đảm là 6.975.037đ (sáu triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn không trăm

ba mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc: 3.850.000 đồng, Loại thẻ tín dụng: 1.930.037 đồng, Phí thẻ tín dụng: 1.195.000 đồng.

Kể từ ngày 23/07/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị E còn phải tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp bà Nguyễn Thị E không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số O 899211, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: 0211 QSDĐ/648-KL do UBND huyện C cấp ngày 25/9/1999, cập nhật thay đổi ngày 24/01/2006 và ngày 02/11/2018. Theo hợp đồng thế chấp QSD đất số 0806/19PGDCĐ/HĐBĐ ngày 16/12/2019 và Phụ lục số 0806/19PGDCĐ/HĐBĐ/PL01 ngày 24/08/2020, công chứng tại Phòng công chứng Lê Minh Đ tỉnh B.

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ thì bà Nguyễn Thị E tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp bị đơn thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì nguyên đơn có trách nhiệm yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị E phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.709.643đ (hai mươi ba triệu bảy trăm lẻ chín ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P1 (H1) số tiền 10.578.000đ (mười triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001599 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Châu Đức;
- Chi cục THADS H. Châu Đức;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

-Các đương sự;
-Lưu HS.

Trần Thị Hồng Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

